



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG III/2017**



HÀ NỘI, THÁNG IV/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|--------------|
| I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2017 | 1 |
| 1. Vùng Tây Bắc..... | 1 |
| 2. Vùng Việt Bắc..... | 2 |
| 3. Vùng Đông Bắc..... | 3 |
| 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ | 4 |
| 5. Vùng Bắc Trung Bộ | 6 |
| 6. Vùng Trung Trung Bộ..... | 7 |
| 7. Vùng Nam Trung Bộ..... | 8 |
| 8. Vùng Tây Nguyên | 9 |
| 9. Vùng Nam Bộ..... | 10 |
| II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2017 | 11 |
| III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV, V và VI/2017 | 15 |
| IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ | 16 |
| V. TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 17 |

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng III/2017 tại hầu hết các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-1,8^{\circ}\text{C}$ đến $2,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -34mm đến 66mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -57 giờ đến 78 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -8% đến 13%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng III/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ $0,5$ đến $2,6^{\circ}\text{C}$); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $16,8^{\circ}\text{C}$ (Sìn Hồ) đến $23,8^{\circ}\text{C}$ (Sông Mã) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $12,7^{\circ}\text{C}$ đến $19,9^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $9,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 07/III tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $22,2^{\circ}\text{C}$ (Sìn Hồ) đến $31,9^{\circ}\text{C}$ (Sông Mã), giá trị cao nhất là $38,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 31/III tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VI/2013 đến tháng III/2017 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng III/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 20mm đến 45mm . Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 12mm đến 97mm .

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 5mm đến 32mm .

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 24 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VI/2016 đến tháng III/2017 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -32 giờ đến 46 giờ); giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 21 giờ đến 220 giờ, cao nhất là 228 giờ (Điện Biên) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2017 dao động từ 67% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -8% đến -3%). *Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 16% xảy ra vào ngày 01/III tại Cò Nòi, đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.*

- Tổng lượng bốc hơi tháng III/2017 có giá trị phổ biến từ 11mm đến 134mm, cao nhất là 144mm tại Sin Hồ và Yên Châu. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-61mm đến 119mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 9mm, cao nhất là 10mm xảy ra vào ngày 31/III tại Mộc Châu.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 9 ngày, trong đó một vài nơi (Yên Châu và Mai Châu) có từ 2 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 7 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 8 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng III/2013 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,4⁰C đến 1,1⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 14,3⁰C (Sa Pa) đến 21,7⁰C (Lào Cai);

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 9,9⁰C (Sa Pa) đến 19,2⁰C (Lào Cai), *nhiệt độ không khí thấp nhất là 6,9⁰C xảy ra vào ngày 23/III tại Sa Pa, đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc.*

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 19,2⁰C (Sa Pa) đến 25,8⁰C (Lào Cai), nhiệt độ không khí cao nhất là 33,5⁰C xảy ra vào ngày 31/III tại Bắc Quang.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 43mm đến 102mm, cao nhất là 105mm tại Bắc Quang; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-34mm đến 52mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VI/2013 đến tháng III/2017 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10mm đến 29mm, cao nhất là 48mm xảy ra vào ngày 21/III tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 4 - 27 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 19 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 20 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 10 giờ đến 174 giờ, cao nhất là 217 giờ (Mù Căng Chải), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-44 giờ đến 18 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2017 phổ biến từ 77 đến 94%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (3% đến 9%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 26%, xảy ra vào ngày 01/III tại Sa Pa.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 24mm đến 100mm, cao nhất là 124mm tại Mù Căng Chải, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-75mm đến 67mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 7mm, *cao nhất là 10mm, xảy ra vào ngày 31/III tại Sa Pa, đây là giá trị lượng bốc hơi ngày lớn nhất toàn quốc.*

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 6 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 3 đến 24 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -0,9 đến -0,3⁰C); có giá trị dao động từ 16,7⁰C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 20,4⁰C (Bảo Lạc) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 19,5⁰C (Trùng Khánh) đến

25,5⁰C (Bảo Lạc), giá trị nhiệt độ cao nhất là 34,7⁰C xảy ra vào ngày 31/III tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,8⁰C (Trùng Khánh) đến 18,8⁰C (Uông Bí), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,2⁰C xảy ra vào ngày 22/III tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Lễn được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng III/2013 dao động phổ biến từ 26mm đến 82mm, cao nhất là 83mm tại Trùng Khánh, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 24mm đến 36mm (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 14mm đến 39mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 - 27 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 19 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Lễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2017 đo được ở các nơi trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-57 giờ đến -30 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 4 giờ (Tiên Yên) đến 44 giờ (Cao Bằng), cao nhất là 57 giờ tại Bảo Lạc.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 80 đến 97%, ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 5% đến 13%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 01/III tại Bảo Lạc.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 11mm đến 38mm, cao nhất là 80mm tại Bảo Lạc. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (từ -70mm đến -24mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 1 - 4mm.

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 4 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 2 đến 24 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 18,3⁰C (Văn Lý) đến 19,9⁰C (Láng và Nho Quan), ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -0,7⁰C đến -0,3⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 19,9⁰C (Văn Lý) đến 22,4⁰C (Láng, Hà Đông và Nho Quan), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 30,5⁰C xảy ra vào ngày 31/III tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 17,2⁰C (Văn Lý) đến 18,5⁰C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 13,3⁰C xảy ra vào ngày 22/III tại Hải Dương và Thái Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 19mm đến 66mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 65mm đến 100mm, cao nhất là 104mm (Hải Dương).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10 đến 32mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 19 đến 28 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 24 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 14 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2013 ở các nơi trong vùng dao động từ 6 giờ (Văn Lý) đến 17 giờ (Hà Đông); có giá trị ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -47 giờ đến -30 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 87% (Láng) đến 96% (Văn Lý), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 3% đến 6%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 67% xảy ra vào ngày 26/III tại Phủ Lý.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 17mm (Văn Lý) đến 26mm (Hải Dương), cao nhất là 31mm tại Láng và Hà Đông; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 2mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -83mm đến -38mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 2 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 4 đến 25 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-0,6^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$, hình 10) và có giá trị từ $19,4^{\circ}\text{C}$ (Thanh Hóa) đến $23,0^{\circ}\text{C}$ (Tương Dương).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $21,9^{\circ}\text{C}$ (Thanh Hóa và Tĩnh Gia) đến $28,6^{\circ}\text{C}$ (Tương Dương), giá trị nhiệt độ cao nhất là $41,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 31/III tại Hương Khê, đây là giá trị nhiệt độ không khí cao nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $18,0^{\circ}\text{C}$ (Thanh Hóa) đến $20,0^{\circ}\text{C}$ (Tương Dương), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $14,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 22/III tại Thanh Hóa. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2013, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 194mm đến 78mm, cao nhất là 94mm tại Tương Dương. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-38mm đến 37mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5 đến 29mm, cao nhất là 38mm, xảy ra vào ngày 21/III tại Như Xuân.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 - 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 15 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 20 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 18 (Thanh Hóa) đến 65 giờ (Kỳ Anh), cao nhất là 94 giờ (Tương Dương); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -41 giờ đến -17 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82% (Tương Dương) đến 96% (Yên Định), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (3% đến 7%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 28% xảy ra vào ngày 30/III tại Quỳnh Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 22mm đến 47mm, cao nhất là 69mm tại Tương Dương; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 1 - 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-56mm đến -21mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 4 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 2 ngày;
- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 4 đến 23 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2017 từ 21,7⁰C (Đồng Hới và Ba Đồn) đến 25,1⁰C (Quảng Ngãi), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,7⁰C đến 1,2⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 25,1⁰C (Ba Đồn) đến 31,2⁰C (Trà My), giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,7⁰C xảy ra vào ngày 31/III tại Đông Hà.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,1⁰C (Khe Sanh) đến 22,5⁰C (Đà Nẵng), giá trị nhiệt độ thấp nhất là 14,6⁰C xảy ra vào ngày 24/III tại Khe Sanh.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng III/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng đều thấp, phổ biến từ 2mm đến 22mm, cao nhất là 36mm tại Nam Đông, Tam Kỳ và Trà My. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -30mm đến 28mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2 đến 29mm, cao nhất là 32mm xảy ra vào ngày 22/III tại Tam Kỳ.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 đến 13 ngày, cao nhất là 14 ngày tại Đông Hà; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 20 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng VI/2013 đến tháng III/2017 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 83 giờ đến 192 giờ, cao nhất là 219 giờ tại Quảng Ngãi. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị

TBNN (-37 giờ đến 78 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 83% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 3% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 31/III tại Đồng Hới.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 37mm đến 66mm, cao nhất là 68mm tại Khe Sanh. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Tổng lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (20mm đến 66mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 4 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 2 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 9 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2017 từ 24,2⁰C (Hoài Nhơn) đến 26,6⁰C (Phú Quý), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -1,8⁰C đến -0,5⁰C, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,8⁰C (Quy Nhơn) đến 30,9⁰C (Phan Rang), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,5⁰C xảy ra vào ngày 30/III tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,9⁰C (Hoài Nhơn) đến 24,8⁰C (Phú Quý), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 18,1⁰C, xảy ra vào ngày 01/III tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng VI/2013 đến tháng III/2017 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2017, một vài nơi trong vùng không có mưa, các nơi còn lại có lượng mưa tháng phổ biến từ 6mm đến 17mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VI/2013 đến tháng III/2017 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2mm đến 12mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các nơi có mưa trong vùng phổ biến từ 1 đến 4

ngày; số ngày mưa liên tục từ 1 đến 3 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 7 đến 22 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 241 giờ (Hoài Nhơn) đến 299 giờ (Phan Rang), cao nhất là 304 giờ tại Phú Quý; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-27 giờ đến 29 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% (Phan Rang) đến 83% (Quy Nhơn, Tuy Hòa và Phú Quý), phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 35% xảy ra vào ngày 21/III tại Phan Rang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 26mm đến 141mm, cao nhất là 173mm tại Phan Rang. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm, cao nhất là 10mm xảy ra vào ngày 15/III tại Phan Rang, cùng với Sa Pa, Mộc Châu và Phước Long đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (từ 47mm đến 133mm).

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2017 từ 18,4⁰C (Đà Lạt) đến 26,8⁰C (Ayunpa - Gia Lai); phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,8⁰C đến 1,3⁰C, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 25,7⁰C (Đà Lạt) đến 34,3⁰C (Ayunpa); giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,0⁰C xảy ra vào ngày 10/III tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 13,2⁰C (Đà Lạt) đến 21,7⁰C (Ayunpa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 8,7⁰C xảy ra vào ngày 01/III tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VI/2013 đến tháng III/2017 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng III/2017 trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -25mm đến 51mm, phổ biến có giá trị dao động từ 14mm đến 93mm, cao nhất là 118mm tại Đăk Nông, riêng tại Ayunpa không có ngày mưa.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất có giá trị phổ biến dao động từ 12mm đến 43mm, cao nhất là 44mm xảy ra vào ngày 14/III tại Đăk Nông. Số ngày mưa phổ biến từ 1 đến 7 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5

ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 12 đến 27 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VI/2013 đến tháng III/2017 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2013 phổ biến từ 243 giờ (Bảo Lộc) đến 280 giờ (Buôn Ma Thuột), cao nhất là 290 giờ tại Plây Cu. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-14 giờ đến 15 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN, có giá trị phổ biến từ 65% (Kon Tum) đến 78% (Đà Lạt); độ ẩm không khí thấp nhất là 23% xảy ra vào ngày 18/III tại Bảo Lộc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 90mm (Đà Lạt) đến 151mm (Buôn Ma Thuột), cao nhất là 180mm tại Kon Tum. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (64mm đến 137mm).

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2017 từ 27,3⁰C (Mỹ Tho, Cao Lãnh, Sóc Trăng và Bạc Liêu) đến 28,5⁰C (Đồng Phú), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -0,5⁰C đến 1,1⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,7⁰C (Vũng Tàu) đến 35,5⁰C (Phước Long), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,0⁰C xảy ra vào ngày 16/III tại Đồng Phú.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,7⁰C (Phước Long) đến 25,6⁰C (Vũng Tàu), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,4⁰C xảy ra vào ngày 01/III tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VI/2013 đến tháng III/2017 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Hầu hết các nơi trong vùng không có mưa, các nơi còn lại có tổng lượng mưa tháng dao động từ 1mm đến 5mm; lượng mưa ngày tại những nơi có mưa dao động từ 1mm đến 5mm; số ngày mưa từ 1 đến 5 ngày, số ngày mưa liên tục từ 1 đến 3 ngày; số ngày không mưa liên tục từ 15 đến 28 ngày. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -34mm đến 24mm.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2017 phổ biến từ 268 giờ (Châu Đốc) đến 302 giờ (Tân Sơn Nhất), cao nhất là 306 giờ tại Bạc Liêu; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-25 giờ đến 47 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 66% (Đồng Phú) đến 79% (Cao Lãnh và Châu Đốc), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 3% đến 4%, hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 15/III tại Đồng Phú.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 91mm đến 164mm, cao nhất là 208mm tại Phước Long (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm, cao nhất là 10mm xảy ra vào ngày 16/III tại Phước Long, cùng với Sa Pa, Mộc Châu và Phan Rang, đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc; lượng bốc hơi tháng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa tháng (52mm đến 208mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây không nóng từ 1 đến 29 ngày, trong đó một số nơi có từ 1 đến 11 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày dao động từ 1 đến 3 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2017

Điều kiện KTNN tháng III/2017 ở nhiều vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt xấp xỉ TBNN, tổng lượng mưa tháng quá ít, nhiều vùng cả tháng không có mưa trong khi đó lượng bốc hơi cao, tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp tiếp tục kéo dài. Ở các tỉnh phía Bắc, một số đợt không khí lạnh tăng cường làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất vụ đông xuân 2016-2017. Ở các tỉnh phía Nam mưa ít, các đợt xâm nhập mặn, triều cường gia tăng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Trong tháng các địa phương phía Bắc đã cơ bản hoàn thành gieo cấy lúa đông xuân muộn, gieo trồng các loại rau màu còn thời vụ, tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho lúa và rau màu vụ đông xuân. Các địa phương phía Nam

tập trung thu hoạch lúa đông xuân; một số tỉnh bắt đầu xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu.

2.1. Tình hình trồng trọt

Miền Bắc: Trong tháng III/2017 các địa phương Miền Bắc đã tập trung gieo cấy, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh cho lúa đông xuân. Tính đến cuối tháng, các địa phương Miền Bắc đã cơ bản hoàn thành gieo cấy gieo cấy lúa đông xuân, đạt trên 1.104,2 ngàn ha, bằng 98,6% so với cùng kỳ năm trước. Do yếu thời tiết không thuận lợi nên các vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ đều đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Hiện nay, thời tiết trên địa bàn Miền Bắc đã chuyển biến tốt, nắng ấm, mưa rào xuất hiện rải rác đã giúp lúa đông xuân sớm qua giai đoạn hồi xanh và bước sang thời kỳ đẻ nhánh. Với việc đảm bảo phần lớn diện tích lúa được gieo cấy đúng lịch thời vụ, cùng với cơ cấu trà và các giống lúa sử dụng tiếp tục theo hướng tích cực, như trà xuân muộn vẫn chiếm ưu thế, tăng tỷ lệ diện tích lúa gieo thẳng; nhiều nhóm giống lúa lai, lúa chất lượng cao được đưa vào sử dụng, các cánh đồng mẫu lớn tiếp tục được mở rộng giúp cơ giới hóa trồng lúa đồng bộ hơn,... là những triển vọng bước đầu đối với vụ lúa đông xuân năm nay ở các tỉnh miền Bắc.

Miền Nam: Tính đến cuối tháng các địa phương ở Miền Nam đã thu hoạch đạt gần 800 ngàn ha lúa đông xuân, chủ yếu tập trung tại các tỉnh vùng ĐBSCL. Năm nay tốc độ thu hoạch lúa đông xuân chậm hơn khá nhiều, chỉ xấp xỉ bằng 60% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do lũ ở vùng ĐBSCL năm nay rút chậm, nên các địa phương xuống giống trễ hơn so với năm trước. Tuy nhiên, hiện nay diện tích lúa đã chín nhiều do việc xuống giống tập trung để tránh rầy lây lan, nên tốc độ thu hoạch sẽ được đẩy nhanh.

Theo báo cáo bước đầu của các địa phương vùng ĐBSCL, năng suất bình quân lúa đông xuân trên diện tích đã thu hoạch toàn vùng ước đạt trên 70 tạ/ha, cao hơn so với vụ trước khoảng 2 tạ/ha; điển hình là các tỉnh Long An, Cần Thơ, Hậu Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tiền Giang, An Giang.

Đồng thời với việc khẩn trương thu hoạch lúa đông xuân, các địa phương thuộc vùng ĐBSCL cũng đã bắt đầu triển khai xuống giống lúa hè thu. Tính đến cuối tháng diện tích xuống giống trên toàn vùng đạt hơn 212 ngàn ha, gần bằng

60% so với cùng kỳ năm trước. Các địa phương có diện tích xuống giống lúa hè thu nhiều, gồm: Đồng Tháp, Sóc Trăng, Tiền Giang, Cần Thơ...

Thời gian qua, do nắng nóng kéo dài, tình trạng ít mưa hoặc không mưa vẫn tiếp diễn, nguồn nước nội đồng cạn kiệt, cộng thêm gió chướng thổi mạnh nước mặn xâm nhập sâu vào nội đồng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp của vùng.

Ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ thời tiết nắng nóng khắc nghiệt đang gây nhiều khó khăn cho cuộc sống người dân và thiệt hại nặng nề về các loại cây nông nghiệp hoa màu các loại. Hiện tại mực nước tại các con sông Ba, Sê San, Ayun... ở Tây Nguyên đang xuống dần cùng với nguồn nước ngầm cạn kiệt làm ảnh hưởng tới cà phê và hoa màu

2.2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài các hoạt động gieo trồng, thu hoạch lúa, tính đến cuối tháng các địa phương trên toàn quốc tiếp tục gieo trồng các cây màu vụ đông xuân đạt 554 ngàn ha, tăng gần 1% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng số, diện tích gieo trồng ngô đạt gần 353 ngàn ha; khoai lang đạt 78,5 ngàn ha, sắn đạt 110,2 ngàn ha.

Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày vụ đông xuân đạt 323,6 ngàn ha, bằng 92,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích đậu tương đạt 62,6 ngàn ha, diện tích lạc đạt gần 145,2 ngàn ha, diện tích mía đạt 87,5 ngàn ha, diện tích thuốc lá đạt 16,9 ngàn ha. Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại đạt 470,4 ngàn ha, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước

Chè ở Mộc Châu, Phú Hộ đang trong giai đoạn búp hái, trạng thái sinh trưởng từ kém đến trung bình. Ở Ba Vì chè lớn nảy chồi, trạng thái sinh trưởng trung bình (bảng 1);

Bắc Trung Bộ: Lạc trong giai đoạn nở hoa, trạng thái sinh trưởng trung bình (bảng 1);

Cà phê ở Tây Nguyên đang trong thời kỳ đâm chồi, trạng thái sinh trưởng trung bình đến tốt (bảng 1).

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng III/2017

| Số TT | Các vùng sinh thái nông nghiệp | Trạm | Các giai đoạn phát triển của cây trồng | Trạng thái sinh trưởng của cây trồng | Độ ẩm đất |
|-------|--------------------------------|-----------|--|--------------------------------------|-----------|
| 1 | Tây Bắc, Việt Bắc | Điện Biên | Lúa chiêm đẻ nhánh | TB | 3 cm |
| 2 | | Văn Chấn | Lúa chiêm mọc đống | TB | 3 cm |

| | | | | | |
|----|---------------------|-------------|-----------------------|-----|--------|
| 3 | | Mộc Châu | Chè lớn búp hái | Kém | Ấm |
| 4 | | Tuyên Quang | | | |
| 5 | Đông Bắc | Lạng Sơn | | | |
| 6 | | Bắc Giang | Lúa chiêm đẻ nhánh | Khá | 3 cm |
| 7 | | Uông Bí | Lúa chiêm đẻ nhánh | Khá | 3 cm |
| 8 | Trung du Bắc Bộ | Phú Hộ | Chè lớn búp hái | TB | Ấm |
| 9 | | Ba Vì | Chè lớn nảy chồi | TB | 3cm |
| 10 | Đồng bằng sông Hồng | Hải Dương | Lúa chiêm đẻ nhánh | Khá | 4 cm |
| 11 | | Hưng Yên | Lúa xuân BRHX | Khá | 3 cm |
| 12 | | Hoài Đức | Lúa xuân hè BRHX; | TB | Quá ấm |
| 13 | | Nam Định | Lúa chiêm mọc dón | Khá | 4 cm |
| 14 | | Thái Bình | Lúa xuân đẻ nhánh | Khá | 3 cm |
| 15 | | Hà Đông | Lúa xuân đẻ nhánh | TB | 3 cm |
| 16 | | Ninh Bình | Lúa xuân đẻ nhánh | TB | 3 cm |
| 17 | Bắc Trung Bộ | Thanh Hóa | Lúa chiêm mọc dón | TB | 3 cm |
| 18 | | Yên Định | Lạc nở hoa | TB | TB |
| 19 | | Đô Lương | Lúa xuân mọc dón | TB | 3 cm |
| 20 | | Quỳnh Lưu | Lúa chiêm mọc dón | TB | 3 cm |
| 21 | | Huế | Lúa xuân mọc dón | TB | 3 cm |
| 22 | Nam Trung Bộ | An Nhơn | | | |
| 23 | | Tuy Hoà | | | |
| 24 | Tây Nguyên | Eakmat | Cà phê đâm chồi | Tốt | TB |
| 25 | Nam Bộ | Xuân Lộc | Cà phê hình thành quả | TB | TB |
| 26 | | Mỹ Tho | Lúa mùa thu hoạch | | |
| 27 | | Bạc Liêu | Chuyển vụ | | |
| 28 | | Trà Nóc | Ngô lá thứ 7 | Khá | TB |

2.3. Tình hình sâu bệnh

- Sâu cuốn lá nhỏ: Tổng diện tích nhiễm 30.336 ha; nhiễm nặng 27; tập trung nhiều tại ssa bàn Nam bộ, gồm: Long An, An Giang, Bạc Liêu, Hậu

Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp và Miền Trung, gồm: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Gia Lai và Phú Yên.

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm gần 97 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 6,5 ngàn ha, tập trung chủ yếu tại Long An, Bạc Liêu, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang và Kiên Giang và Miền Trung gồm Quảng Nam, Bình Định và Khánh Hòa.

- Bệnh khô vằn: Tổng diện tích nhiễm 4.897 ha, nhiễm nặng 68 ha, tập trung tại các tỉnh: Bạc Liêu, Long An, Vĩnh Long, Tiền Giang, Sóc Trăng...

- Sâu đục thân 2 chấm: Tổng diện tích nhiễm 3.835 ha; phân bố tập trung tại: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Vĩnh Long,...

- Bệnh đạo ôn lá: Tổng diện tích nhiễm 58,8 ngàn ha, phát sinh tại tất cả các vùng trong cả nước.

- Bệnh đạo cỏ bông: Tổng diện tích nhiễm 13,9 ngàn ha, nặng gần 100 ha, tập trung tại An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Long An, Hậu Giang...và Miền Trung, gồm: Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa.

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích 15.118 ha; diện tích nhiễm nặng 50 ha; phân bố chủ yếu tại Bạc Liêu, Long An, Trà Vinh, Bình Thuận, Đồng Tháp, Bà Rịa – VT, Gia Lai, Khánh Hòa và Đắk Lắk

- Bệnh đen lép hạt: Tổng diện tích nhiễm 16,5 ngàn ha; nặng 215 ha; phân bố chủ yếu tại: Long An, Kiên Giang, Bạc Liêu, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Bình Định, Khánh Hòa, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Gia Lai.

- Bệnh đốm nâu – nghệt rễ: Tổng diện tích nhiễm gần 10 ngàn ha; phân bố chủ yếu tại địa bàn Bắc bộ, gồm: Phú Thọ, Điện Biên, Hoà Bình, Vĩnh Phúc; Bắc Trung bộ, gồm: Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình; Miền Trung, gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Kom Tum.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG V, VI và VII/2017

3.1. Nhiệt độ

Trong 3 tháng tới, nhiệt độ có khả năng hụt đến cận chuẩn trên đại bộ phận diện tích cả nước với xác suất từ 55 đến 77%. Khả năng vượt chuẩn của nhiệt độ có thể xảy ra ở Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Đắk Lắk, Bình Thuận và Bình Phước với xác suất khoảng từ 66 đến trên 77%. Chuẩn sai của nhiệt độ chủ yếu dao

động từ -0,5 đến 0°C trên đa phần diện tích lãnh thổ; từ 0 đến 1°C ở đa phần diện tích Tây Bắc, Việt Bắc và Nam Bộ.

3.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng IV, V, VI năm 2017, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở Quảng Trị, Ninh Thuận và một phần nhỏ diện tích thuộc Tây Nguyên với xác suất từ 55% đến trên 77%. Khả năng cận đến vượt chuẩn của lượng mưa có thể xảy ra trên phần lớn diện tích cả nước với xác suất từ 55% tới 77%. Chuẩn sai của lượng mưa chủ yếu dao động từ 0 đến 200mm trên đa phần diện tích cả nước.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới và không khí lạnh

Theo kết quả thống kê trung bình 3 tháng IV, V, VI thời kỳ 1971-2000 thì có khoảng 2 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và khoảng 1 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Trung bình của thời kỳ 1971 - 2000 thì trong 3 tháng IV, V, VI số đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam là khoảng 6 đợt.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng III và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng IV/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng IV, V và VI/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường các biện pháp phòng trừ bệnh đạo ôn, rầy nâu, sâu cuốn lá trên lúa xuân và các loại sâu bệnh trên rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày;
- Tăng cường chăm sóc đảm bảo cho lúa đẻ nhánh, mọc dón, làm đồng thuận lợi và các cây trồng khác phát triển thuận lợi;
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa đông xuân trở bông vào cuối tháng IV đầu tháng V.

2. Miền Trung:

- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;
- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.

3. Miền Nam

- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn;
- Chăm sóc lúa mùa và lúa xuân đợt muộn đang trong giai đoạn chắc xanh, đảm bảo cho thu hoạch đạt năng suất cao;

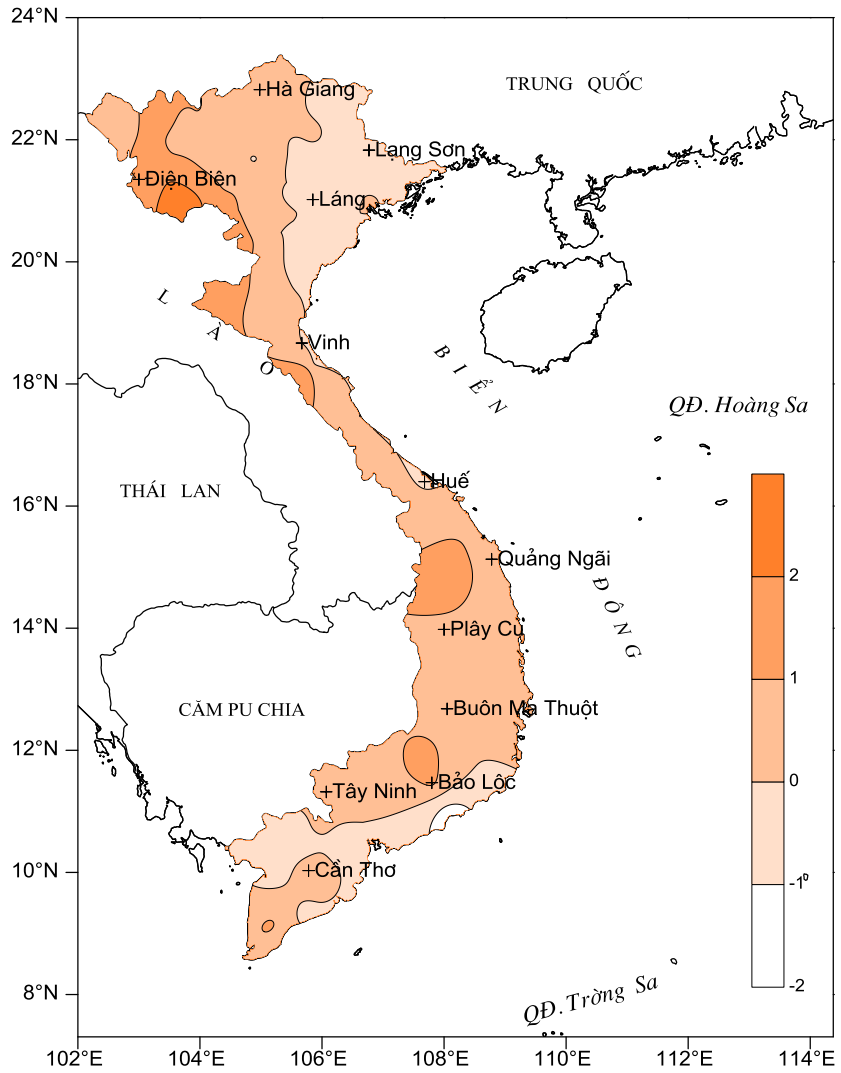
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt cần có các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn dịch rầy nâu, bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá, bệnh đạo ôn trên lúa và các loại sâu bệnh trên các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

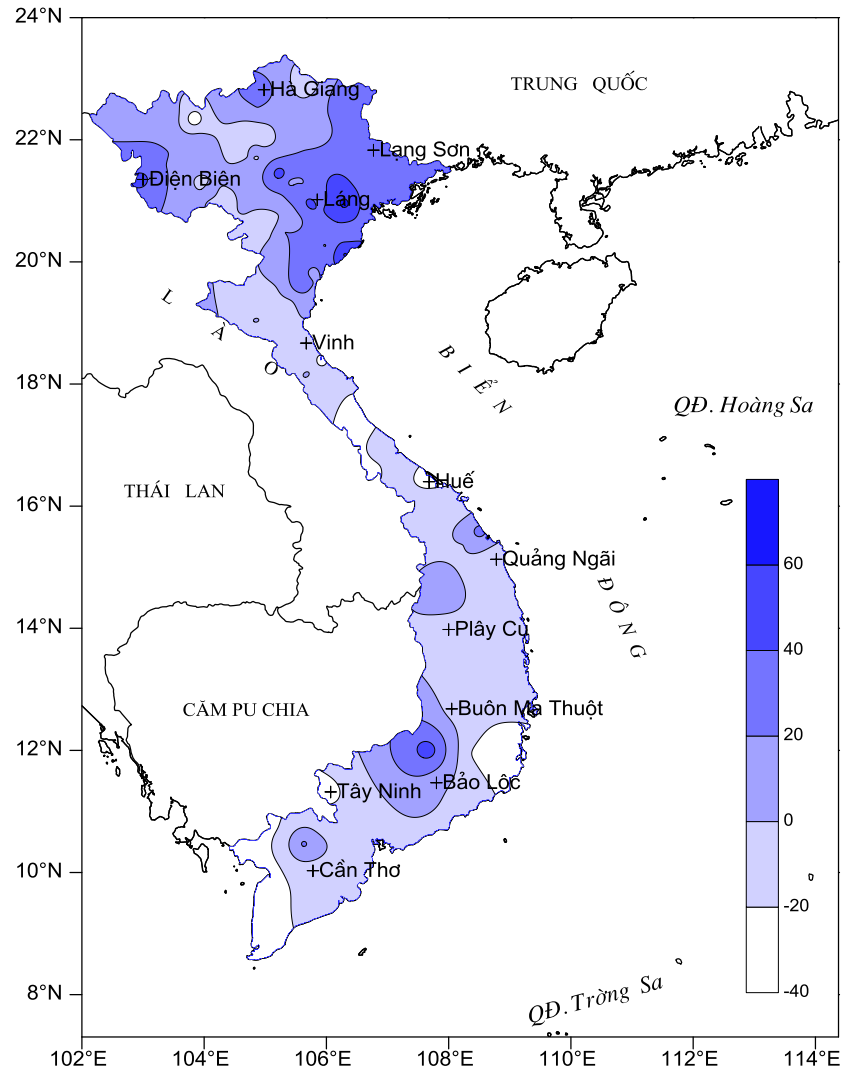
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IV, V, VI/2017;

2. <http://www.nchmf.gov.vn/web/vi-VN/70/40/Default.aspx>, Nhận định xu thế thời tiết tháng 4 năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;

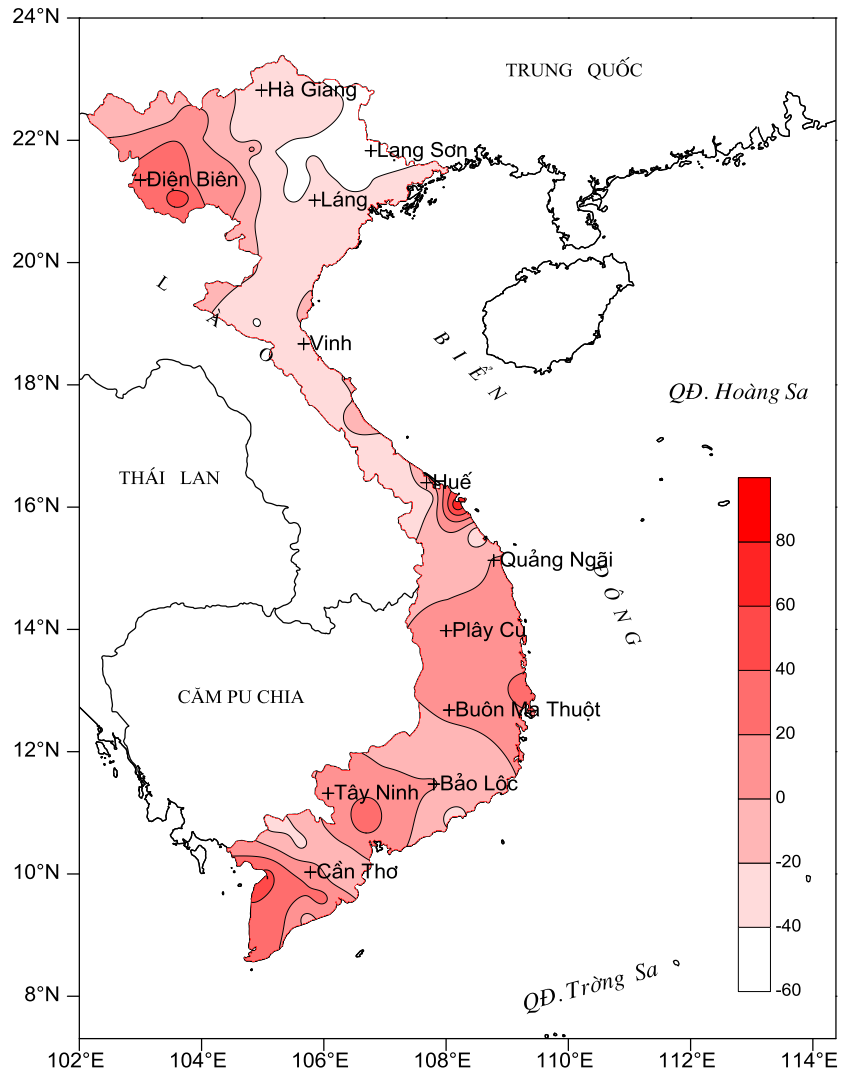
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng III năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



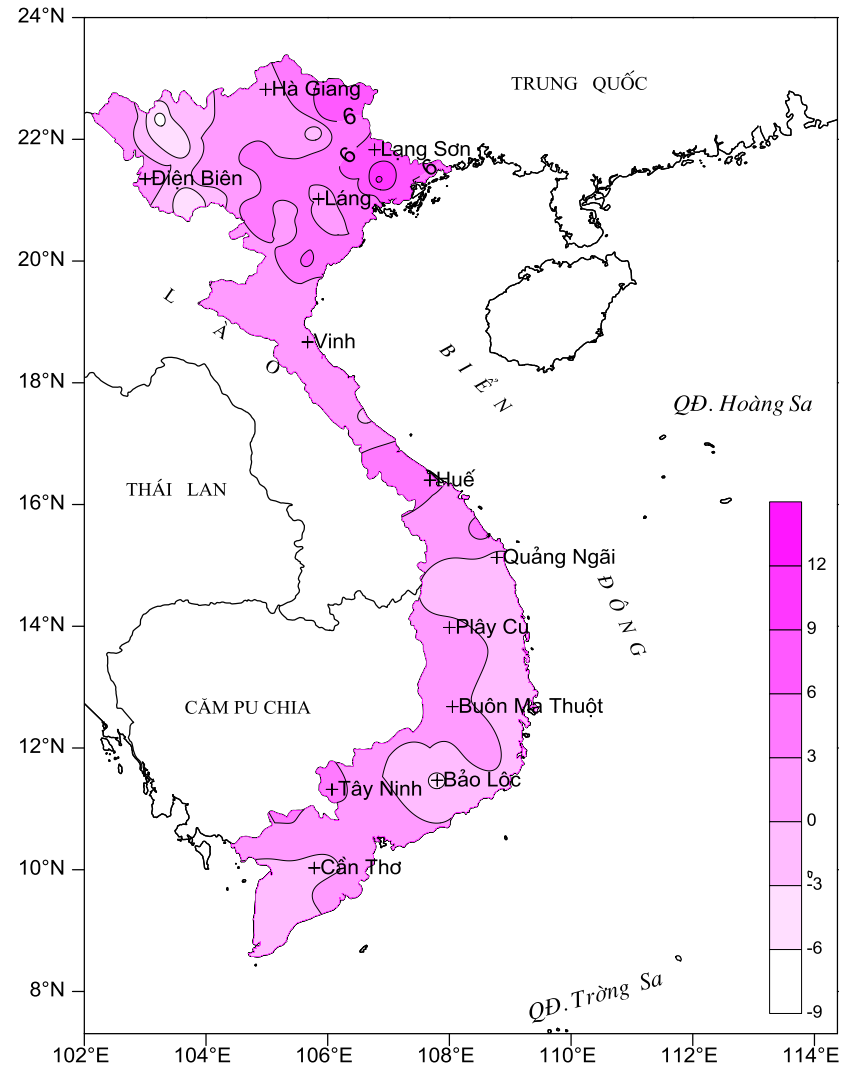
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng III/2017 so với TBNN (°C)



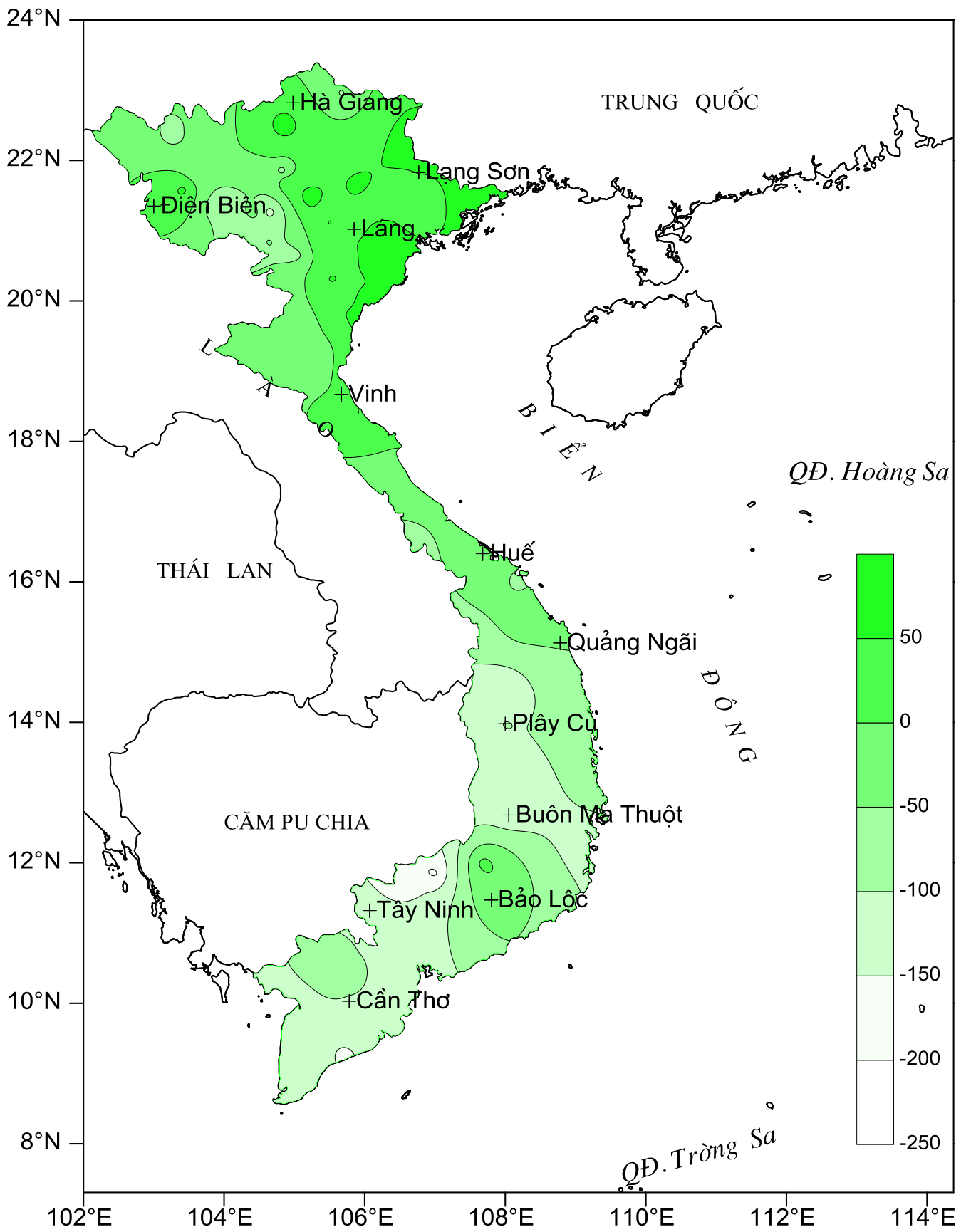
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng III/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng III/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng III/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng III/2017 (mm)